

Kinh nghiệm xây dựng chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh của một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới^(*)

TS. TRẦN NGỌC NGOẠN^{*}
HÀ HUY NGỌC^{**}

Thế giới đang đứng trước các vấn đề an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu: Ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên; biến đổi khí hậu và nước biển dâng; an ninh năng lượng; an ninh lương thực. Các giải pháp ứng phó với khủng hoảng, tái cấu trúc lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhằm ứng phó với các thách thức toàn cầu đã được triển khai trên cả ba cấp độ: toàn cầu, khu vực và quốc gia. Đặc biệt, vấn đề chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng “Kinh tế xanh” đã và đang được nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế, các định chế kinh tế toàn cầu và ưu tiên thực hiện, bởi tăng trưởng xanh không chỉ là động lực thúc đẩy phục hồi kinh tế toàn cầu mà còn là mô hình công cụ thực hiện phát triển bền vững dựa trên các trụ cột: i) Phát triển kinh tế; ii) Đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội; iii) Bảo vệ môi trường; iv) Ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu (BĐKH) toàn cầu.

Vì vậy, việc nghiên cứu kinh nghiệm, các thống lệ tốt của các quốc gia và vùng lãnh thổ về xây dựng chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh sẽ góp phần gợi mở các bài học bổ ích cho các quốc gia đi sau trong việc thiết kế chính sách tăng trưởng xanh, trong đó có Việt Nam.

Từ khóa: Kinh tế xanh/tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu.

1. Xu hướng đầu tư vào kinh tế xanh sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu

Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm bộc lộ những mâu thuẫn, rủi ro khó lường của các mô hình kinh tế hiện tại và đặt ra yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc kinh tế để tạo lập lại nền tảng cho sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, việc chuyển đổi

mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc kinh tế chỉ bó hẹp trong phương thức phát triển truyền thống, vốn đặt sức ép quá lớn lên các nguồn lực tự nhiên, đang trở nên không còn phù hợp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu chú trọng vào mặt “hiệu quả - lợi nhuận” đơn thuần của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, mà ít tính đến các chi phí phải đầu tư để ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường đang tạo ra sự tàn phá nhiều hơn là tạo ra của cải thực. Bằng chứng là, nó đang gây ra những chu kỳ suy thoái kinh tế, khủng hoảng sinh thái trầm trọng và BĐKH toàn cầu. Mô hình phát triển kinh tế hiện tại dường như không còn phù hợp đối với mục tiêu phát triển bền vững.

^{*} Viện Địa lý nhân văn

^(*) Nghiên cứu này được thực hiện dưới sự hỗ trợ của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia trong đề tài mã số. 112.4-2011.21

Do đó, phương thức chuyển đổi mới đã hình thành đó là xu hướng phát triển *kinh tế xanh* trong bối cảnh ĐCKH. Khủng hoảng tài chính toàn cầu là thách thức, nhưng cũng là cơ hội để các quốc gia nhìn nhận lại mô hình tăng trưởng kinh tế và tận dụng cơ hội để thúc đẩy đầu tư vào

kinh tế xanh. Trong gói kích thích kinh tế của nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới, tỷ trọng dành cho khu vực xanh là tương đối lớn, *một mặt* là thúc đẩy tăng trưởng xanh, *mặt khác* lấy tăng trưởng xanh là động lực cho sự phục hồi kinh tế sau khủng hoảng.

Bảng 1: Gói kích thích kinh tế và Đầu tư xanh (tính đến tháng 1/2009)

TT	Nước	Tổng gói kích thích kinh tế (tỷ USD)	Đầu tư xanh (tỷ USD)			Tỷ trọng đầu tư xanh (%)
			Các bon thấp	Khác	Tổng	
I	Nhóm nước G20	2702,2	366,3	88,4	454,7	16,8
1	Argentina	13,2				0
2	Australia	43,8	9,3		9,3	21,2
3	Brazil	3,6				0
4	Canada	31,8	2,5	0,3	2,8	8,3
5	Trung Quốc	647,5	175,1	41,3	216,4	33,4
6	Pháp	33,7	7,1		7,1	21,2
7	Đức	104,8	13,8		13,8	13,2
8	Ấn Độ	13,7				0
9	Indonesia	5,9				0
10	Italy	103,5	1,3		1,3	1,3
11	Nhật Bản	639,9	36		36	5,6
12	Mexico	7,7	0,8		0,8	9,7
13	Nga	20				0
14	Ả rập Xê út	126,8		9,5	9,5	7,5
15	Nam Phi	7,5	0,7	0,1	0,8	10,7
16	Hàn Quốc	38,1	14,7	21,6	36,3	95,2
17	Thổ Nhĩ Kỳ	0				0
18	Anh	34,9	3,7	0,1	3,7	10,6
19	Mỹ	787	78,5	15,6	94,1	12
20	EU	38,8	22,8		22,8	58,7
II. Tổng các nước khác		314,1	7,6	1	8,6	2,7
III. Tổng toàn cầu		3016,3	373,9	89,4	463,3	15,4

Nguồn: HSBC global research, Climate for Recovery: The Color of Stimulus Goes Green, 2009.

Trong gói kích thích kinh tế nhằm ứng phó với khủng hoảng tài chính trên toàn cầu, UNEP đã kêu gọi thực hiện “Thoả thuận xanh toàn cầu mới” (Global green new deal), để phục hồi nền

kinh tế toàn cầu, tạo việc làm, đồng thời thúc đẩy cuộc chiến chống ĐCKH, suy thoái môi trường. Thoả thuận này yêu cầu sự phối hợp trong đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế xanh của

nhóm nước G20 và các quốc gia trên thế giới. Và đã có 3,1 tỷ USD trong tổng số 460 tỷ USD (15%), trong gói kích thích kinh tế được đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế xanh¹.

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy trong thời kỳ hậu khủng hoảng, không phải nước nào cũng có những ưu tiên như nhau trong việc tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng kinh tế xanh. Trong khi cấu phần “xanh” chiếm một tỷ lệ quan trọng trong gói kích thích kinh tế của một số nước và khu vực như Liên minh châu Âu (EU). Tại châu Âu, Ủy ban châu Âu đã thông qua gói kích thích kinh tế “năng lượng và khí hậu” tháng 1/2009, với mục tiêu “3 lần 20”: giảm 20% lượng khí nhà kính, 20% tiêu thụ năng lượng và tăng sử dụng năng lượng tái tạo lên 20%). Trong các nước EU, Đức là một trong những quốc gia đi đầu thế giới, với việc ban hành gói kích thích kinh tế 104,8 tỷ USD, trong đó đầu tư vào kinh tế xanh khoảng 13,8 tỷ USD (chiếm 13,2%). Gói kích thích kinh tế xanh chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng mới và giao thông thông minh ít các-bon. Tuy nhiên, kinh tế xanh lại vắng bóng hoặc chiếm một tỷ trọng rất khiêm tốn trong gói kích thích của một số quốc gia khác như Ấn Độ, Nga, Italy.

Bối cảnh hậu khủng hoảng hiện nay cho thấy yêu cầu cần có những thay đổi mạnh mẽ hơn nữa để hướng tới một nền *kinh tế xanh* của nhân loại. Những thay đổi này *không chỉ đơn thuần về mặt nhận thức mà còn phải cả thực tiễn hành động*: Từ chuyển đổi mô hình công nghiệp hóa, hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên sang mô hình tăng trưởng dựa vào công nghệ và tri thức, phát triển các ngành công nghệ cao, năng lượng mới, công nghệ sinh học...

2. Kinh nghiệm xây dựng chính sách tăng trưởng xanh của một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới

2.1. Kinh nghiệm xây dựng chính sách tăng trưởng xanh của EU

Về quan điểm, EU cho rằng, tăng trưởng xanh là xây dựng một nền kinh tế có tính cạnh

tranh cao, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tận dụng vị thế tiên phong của châu Âu trong công cuộc phát triển những quy trình, công nghệ mới, bao gồm công nghệ xanh, áp dụng sâu rộng lưới điện thông minh, sử dụng công nghệ thông tin, tận dụng mạng lưới toàn EU và cùng cố tính cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong kinh doanh, cũng như hỗ trợ khách hàng đánh giá đúng tầm quan trọng của việc tiết kiệm tài nguyên.

Các nội dung nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh bao gồm: i) Hiện đại hóa và giảm thiểu các-bon trong ngành giao thông; ii) Đầu tư vào năng lượng tái tạo; iii) Xanh hoá hệ thống thuế và iv) Vận hành cơ chế mua bán phát thải.

Giảm phát thải trong lĩnh vực giao thông vận tải

Một trong những nguyên nhân gây ra lượng phát thải khí CO₂ cao tại khu vực EU là sự gia tăng cao các phương tiện giao thông vận tải, theo số liệu thống kê của Tổ chức Môi trường châu Âu (EEA), mức phát thải giao thông đường bộ của EU từ năm 1990 đến năm 2010 đã tăng 26% và dự báo sẽ tăng 50% vào năm 2020. Để giảm thiểu phát thải do sự gia tăng của phương tiện giao thông, Ủy ban châu Âu đã áp dụng một loạt các tiêu chuẩn sau: i) Áp đặt mức tiêu chuẩn hiệu suất nhiên liệu đối với các phương tiện vận tải; ii) Tuyên truyền đến các hãng sản xuất xe hơi; iii) Sử dụng các biện pháp chế tài bắt buộc như: thuế, giấy phép... nhằm đạt được mức phát thải trung bình là 140g CO₂/km.

Ngoài ra, EU còn thúc đẩy các chương trình nghiên cứu phát triển R&D thông qua các phương thức hỗ trợ tín dụng nhằm thúc đẩy sử dụng nhiên liệu sinh học trong các phương tiện giao thông công cộng, phần đầu đến năm 2020, nhiên liệu sinh học chiếm 20% trong tổng mức tiêu thụ nhiên liệu của EU².

² Nguyễn Quang Thuần - Nguyễn An Hà (2012): *Quan hệ Việt Nam Liên minh châu Âu trong triển khai cơ chế phát triển sạch giai đoạn 2011 - 2020*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹ UNEP (2009): *Rethinking the Economic recovery: A Global green new deal*, Edward B. Barbier, USA.

Thúc đẩy đầu tư phát triển các nguồn năng lượng xanh nhằm thay thế năng lượng hoá thạch

Chương trình Năng lượng xanh của châu Âu đến năm 2020 gồm những nội dung như sau:

i) Ban hành hạn ngạch phát thải của thị trường năng lượng, đánh thuế phát thải các bon đối với năng lượng. Chương trình thương mại phát thải đã thiết lập giá phát thải khí thải các bon có nguồn gốc từ năng lượng thông qua hạn mức hàng năm về khí thải và thị trường thứ cấp cho lượng khí thải cho phép trong giới hạn đó.

ii) Đặt ra mục tiêu bắt buộc đối với các nước thành viên của EU là đến năm 2020, năng lượng tái tạo sẽ chiếm 20% sản lượng điện của mỗi quốc gia.

iii) Hình thành Quỹ đầu tư cho năng lượng tái tạo, năng lượng mới

EU đã đóng cửa các nhà máy phát điện sử dụng than, nhiên liệu hoá thạch gây ô nhiễm môi trường và hiệu ứng nhà kính, đồng thời khuyến khích đầu tư vào các nguồn năng lượng tái tạo. Cụ thể trong giai đoạn 2002 - 2006, Quỹ Đầu tư năng lượng tái tạo đã đầu tư khoảng 17,5 tỷ euro cho lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng thân thiện với môi trường. Và trong giai đoạn 2012 - 2020, Ủy ban châu Âu đã tiếp tục cam kết tăng đầu tư khoảng 72 tỷ euro, trong đó tập trung cho vấn đề an ninh năng lượng, và môi trường...

Hộp 1: Thời gian biểu của chính sách năng lượng xanh của EU

- Tháng 3/2001: Ủy ban châu Âu đề nghị hoàn thành thị trường năng lượng nội bộ thông qua Chỉ thị về thị trường năng lượng thứ 2;
- Tháng 9/2001: Thông qua chỉ thị về khuyến khích điện từ nguồn năng lượng tái tạo
- Tháng 10/2003: Hệ thống thương mại phát thải, ETS
- Tháng 10/2005: Khí hậu và năng lượng được ưu tiên tại Hội nghị Thượng đỉnh
- Tháng 1/2007: Sách trắng về chiến lược năng lượng EU
- Tháng 12/2008: Gói khí hậu và năng lượng được thông qua
- Tháng 11/2010: ACER - Cơ quan điều phối quản lý năng lượng châu Âu được thành lập.

Hộp 2: Chính sách phát triển năng lượng xanh ở Cộng hoà Liên bang Đức

Đức là quốc gia xây dựng chiến lược “năng lượng xanh” đầu tiên trên thế giới. Nước này đã đặt mục tiêu trở thành cường quốc công nghiệp đầu tiên trên thế giới sử dụng 100% “năng lượng xanh” tái tạo và hướng tới “mục tiêu xanh hoá nền kinh tế” vào năm 2050. Bộ Môi trường Đức đã công bố Bản lộ trình thực hiện các kế hoạch hướng tới một nền kinh tế sử dụng hoàn toàn năng lượng tái tạo. Năm 2008, năng lượng tái tạo chiếm 7% tổng lượng tiêu thụ năng lượng gốc của Đức, sẽ được tăng lên 33% vào năm 2020.

Bản lộ trình của Đức đã nêu nhiều biện pháp, kế hoạch nâng cao hiệu suất năng lượng, trong đó có việc xây dựng mạng lưới “điện thông minh”, giảm tiêu thụ điện năng khoảng 28% trong vòng 20 năm tới, từ 384,5 tỷ KW/h năm 2007 xuống 333,3 tỷ KW/h vào năm 2020 và 277,7 tỷ KW/h vào năm 2030. Thực hiện kế hoạch giảm tiêu thụ năng lượng, nước Đức sẽ tiết kiệm được hàng tỷ USD chi trả cho nhập khẩu năng lượng. Luật Năng lượng tái tạo được xây dựng năm 2000, đã đưa ra cơ chế khuyến khích ưu tiên phát lên lưới điện quốc gia những nguồn điện từ năng lượng tái tạo (mặt trời, gió, thủy điện, sinh khối và địa nhiệt). Sản xuất điện từ sinh khối hiện nay đang rất phát triển với số lượng 4.600 nhà máy với tổng công suất 1700 MW năm 2009, và dự kiến sẽ tăng lên 5400 nhà máy vào năm 2015. Và dự báo đến năm 2030, nước Đức sẽ có tới 50% năng lượng điện tiêu thụ lấy từ nguồn năng lượng tái tạo.

- Hệ thống thuế vì mục tiêu tăng trưởng xanh

Bên cạnh, đầu tư cho năng lượng tái tạo thì EU cũng đi đầu trong cuộc cải cách thuế sinh thái, đây là một trong những trụ cột cho tăng trưởng xanh. Năm 1993, Ủy ban châu Âu đã nhìn nhận ra được những thách thức phải đối mặt trong tương lai, đó là tài nguyên và môi trường bị sử dụng quá mức. Bởi do các loại thuế đánh quá thấp đối với các ngành gây ô nhiễm và sử dụng tài nguyên. Do đó, châu Âu đã đưa ra một khuyến nghị chung là tăng thuế tài nguyên và thuế môi trường, để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ và sản xuất thân thiện hơn với môi trường, dẫn đầu là các nước ở khu vực Bắc Âu, tiếp đến Hà Lan.

- Cam kết cắt giảm khí nhà kính (KNK) và thực hiện hệ thống thương mại phát thải (EU-ETS), cơ chế phát triển sạch (CDM)

Nhằm thực hiện Nghị định thư Kyoto, EU đã cam kết sẽ cắt giảm 8% trong ngắn hạn, và 20 - 30% trong trung hạn, trong khi đó trong ngắn hạn Mỹ chỉ cắt giảm 7%. Để thực hiện mục tiêu cắt giảm KNK 8%, các nước EU đã thực hiện cơ chế vận hành hệ thống phát thải (ETS-EU)³, theo đó hệ thống này được thực hiện thông qua việc phân bổ mua bán giấy phép phát thải KNK cho các quốc gia thành viên. Việc phân bổ các giấy phép căn cứ vào tổng lượng phát thải của các cơ sở lắp đặt trên tất cả các lĩnh vực: điện, luyện kim, khai khoáng, đặt tại các nước thành viên EU, cũng như trên toàn lãnh thổ châu Âu. Các giấy phép phân bổ hạn ngạch phát thải từ EU tới các nước thành viên tiếp tục được phân bổ tới các cơ sở phát thải được đăng ký. EU-ETS cho tới nay vẫn là hệ thống thương mại

phát thải lớn nhất thế giới. Đối với EU, đây là một dấu mốc ghi nhận đóng góp của nó vào nỗ lực giảm nhẹ BĐKH.

2.2. Kinh nghiệm xây dựng chính sách tăng trưởng xanh của Nhật Bản

Dù không ban hành Chiến lược tăng trưởng xanh, nhưng ngày 9 tháng 6 năm 2008, Thủ tướng Nhật Bản Fukuda đã ban hành Kế hoạch Tầm nhìn mới “Hướng tới một xã hội Các bon thấp cho Nhật Bản (LCS)”. Theo đó LCS là một xã hội phát triển bền vững hoặc xã hội phát triển dựa trên sự phối hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Đây thực sự là một cuộc cách mạng, giúp cho Nhật Bản mạnh mẽ hơn và ứng phó tốt hơn với BĐKH.

Hướng tới một xã hội các bon thấp, Nhật Bản đã đưa ra 5 định hướng chính:

i) Chuyển đổi từ xã hội công nghiệp phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch tới một xã hội các bon thấp cho một tương lai bền vững;

ii) Từng bước chuyển đổi sang một xã hội các-bon thấp để mang lại cơ hội cho các doanh nghiệp mới;

iii) Đặt ra mục tiêu lâu dài là giảm 60 – 80% lượng khí thải CO₂ vào năm 2050 so với hiện nay;

iv) Mức phát thải sẽ phải bắt đầu giảm sau 10 đến 20 năm kể từ năm 2008;

v) Triển khai 4 hành động (Phát triển các công nghệ tiên tiến và phổ biến các công nghệ hiện có; Thiết lập các cơ chế như mua bán khí thải, cải cách thuế để thay đổi cơ chế kinh tế xã hội và trở thành một xã hội các bon thấp; Các biện pháp của chính quyền địa phương; Thay đổi hành vi của người dân nhằm hướng tới một xã hội tiêu dùng bền vững)

Từ các định hướng xã hội các-bon thấp như đã trình bày ở trên, Nhật Bản đã đưa ra các kế hoạch hành động với các mục tiêu cụ thể. Sau đây là một số hành động chính sách cụ thể:

³ Cơ chế thực hiện hệ thống thương mại phát thải EU được vận hành thông qua việc phân bổ và mua giấy phép phát thải KNK cho các quốc gia thành viên. Việc phân bổ các giấy phép căn cứ vào tổng lượng phát thải của cơ sở lắp đặt trên tất cả các lĩnh vực như điện, luyện kim, khai khoáng,... đặt tại các nước thành viên trên toàn khu vực EU. Các giấy phép phân bổ hạn ngạch phát thải từ EU tới các nước thành viên tiếp tục được phân bổ tới các cơ sở phát thải đã được đăng ký.

Thiết lập khung khổ thể chế cho xã hội các bon thấp gồm các điểm chính sau đây:

Mua bán khí thải, Chính phủ Nhật Bản giới thiệu thử nghiệm xây dựng thị trường kinh doanh khí thải trong nhiều lĩnh vực, nhiều công ty. Chính phủ Nhật Bản xem xét các vấn đề như thiết lập mục tiêu, các loại khí thải có thể giao dịch, các khoản tín dụng, lập nhóm nghiên cứu từ các bộ liên quan nhằm thiết kế giới thiệu thử nghiệm và tổ chức triển khai giới thiệu thử nghiệm.

Hệ thống thuế, xây dựng hệ thống thuế vì mục tiêu tăng trưởng xanh, tiến hành đánh giá toàn bộ hệ thống thuế, trong đó có thuế môi trường và xây dựng lại hệ thống thuế theo hướng xanh trên quan điểm thúc đẩy quá trình giảm các-bon.

Thiết lập các chính sách thuận lợi để huy động các nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực môi trường: Chính phủ Nhật Bản sẽ hỗ trợ tài chính cho quỹ môi trường, các khoản vay dựa trên xếp hạng tín chỉ môi trường, xây dựng các hướng dẫn để thúc đẩy đầu tư tư nhân và các sáng kiến tài chính tư nhân (các quỹ cộng đồng...) tham gia đầu tư và các khoản vay để quy tụ các quỹ tư nhân cho bảo vệ môi trường.

- *Đầu tư và phổ biến các công nghệ tiên tiến nhằm giảm phát thải*

Các hành động đề hướng tới nền công nghệ tiên tiến tập trung vào: i) Thực thi ổn định lộ trình phát triển công nghệ tiên tiến; ii) Nâng cao hiệu quả sử dụng than. Cụ thể trong kế hoạch 5 năm (2008 – 2013), Nhật Bản đầu tư khoảng 30 tỷ USD cho việc thực hiện lộ trình thay đổi công nghệ đã được đặt ra trong Kế hoạch công nghệ các-bon thấp. Bao gồm công nghệ sử dụng sinh khối; máy bay trực thăng tiêu thụ nhiên liệu thấp (và ít tiếng ồn); tàu thủy hiệu suất cao; nâng cao hiệu quả trong giao thông và phân phối hàng hóa bằng hệ thống giao thông thông minh.

Lắp đặt thiết bị phát điện năng lượng mặt trời và quy mô lớn. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng

dụng năng lượng mặt trời. Với mục tiêu tăng số lượng lắp đặt gấp 10 lần vào năm 2020 và 40 lần vào năm 2030 so với mức năm 2008.

Đẩy mạnh việc giới thiệu các sản phẩm tiết kiệm năng lượng như ti vi, bình nước nóng, điều hòa nhiệt độ và tủ lạnh. Cải thiện hiệu suất tiết kiệm điện của tivi đến năm 2008 đạt 15,3% so với năm 2004; đến năm 2010 hiệu suất tiết kiệm điện của điều hòa không khí đạt 22,4% và tủ lạnh là 21,0% so với 2010.

Khuyến khích xây dựng nhà ở và các tòa nhà văn phòng tiết kiệm năng lượng. Mục tiêu là tất cả các công trình nhà ở và văn phòng mới được xây dựng sẽ phải tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả. Để đạt được điều này, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành Luật Tiết kiệm năng lượng sửa đổi (Luật số 47 năm 2008).

Thí điểm xây dựng các mô hình điển hình về xã hội các-bon thấp

Chính phủ Nhật Bản thí điểm xây dựng mô hình điển hình về xã hội các bon thấp, từ thực tiễn kinh nghiệm mô hình Chính quyền Tokyo. Trên cơ sở mục tiêu của Chính phủ Nhật Bản về việc giảm phát thải nhà kính, Chính quyền Tokyo đã xây dựng chiến lược giảm phát thải với mục tiêu giảm 20% lượng phát thải vào năm 2020 so với mức thực hiện năm 2000. Mục tiêu này, tập trung vào hai lĩnh vực chính là: i) Các công trình xây dựng hiện hành và ii) Các công trình được xây dựng mới do đây là nguồn phát thải CO₂ lớn nhất của thành phố. Trong đó, đối với các công trình xây dựng hiện hành, chính sách giảm phát thải của thành phố Tokyo tập trung vào các tòa nhà, các công trình xả thải lớn với hơn 1.400 công trình, chiếm 0,2% tổng số công trình, nhưng chiếm 40% lượng phát thải trong các công trình thương mại và công nghiệp. Quy định về việc giảm thải yêu cầu giảm lượng phát thải trung bình 6% trong giai đoạn 2010 – 2014 và 15% trong giai đoạn 2015 – 2019. Một trong các công cụ chính sách để thực hiện mục tiêu giảm phát thải là áp dụng cơ

chế mua bán quyền phát thải và cơ chế theo dõi, báo cáo kết quả phát thải hàng năm.

Đối với công trình xây dựng mới, thành phố Tokyo đưa ra yêu cầu phải có một bản thiết kế đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực tiêu thụ năng lượng của Tokyo. Việc đánh giá chuẩn mực này dựa trên 12 tiêu chí thuộc 4 nhóm: i) Tiêu thụ năng lượng; ii) Vật liệu; iii) Môi trường tự nhiên; iv) Tác động địa chất. Các kết quả đánh giá này được công bố rộng rãi trên trang web của chính quyền thành phố. Sau hơn 5 năm thực hiện, kết quả thực hiện đến năm 2013 đã giảm phát thải ở mức 23%. Đặc biệt, 93% các công trình xây dựng thuộc diện bắt buộc phải giảm thải đã thực hiện việc giảm phát thải ở mức cao hơn so với quy định.

2.3. Kinh nghiệm xây dựng chính sách tăng trưởng xanh của Đài Loan⁴

Cũng như nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc Á, Đài Loan đang phải đối mặt với BĐKH toàn cầu, cạn kiệt nguồn nước, an ninh năng lượng và những thách thức về suy thoái môi trường do phát triển kinh tế. Đài Loan phụ thuộc tới gần 99% vào các nguồn năng lượng nhập khẩu, với gần 90% khí thải khí nhà kính và CO₂ do sử dụng năng lượng hoá thạch. Nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh và tránh phải tiêu dùng năng lượng giá cao, Đài Loan đã thực hiện nhiều chính sách và giải pháp quan trọng cho sự phát triển bền vững, và từng bước xây dựng nền kinh tế Đài Loan theo hướng kinh tế xanh thông qua hai trụ cột chính: i) tiết kiệm, bảo tồn năng lượng, và ii) giảm các bon trong các ngành kinh tế. Hành động hướng tới nền kinh tế xanh của Đài Loan gồm những nội dung sau:

2.3.1. Xây dựng thể chế cho tăng trưởng xanh

Đài Loan đã xây dựng Luật giám phát thải khí nhà kính. Bản thảo của Luật này chỉ rõ trách

nhệm và mục tiêu của các bộ, các cơ chế, và các công cụ nhằm thực hiện việc phát thải khí nhà kính. Bản thảo khi được thông qua, sẽ trở thành văn bản pháp lý cho việc thực hiện cắt giảm phát thải khí nhà kính của Đài Loan trong những thập kỷ tới. Cùng với việc soạn thảo Luật giám phát thải khí nhà kính, Đài Loan cũng đã ban hành các quy định và các giải pháp nhằm thực hiện giảm phát thải khí nhà kính như “*Xây dựng ngân sách phát triển năng lượng tái tạo*”, “*Luật quản lý năng lượng*” và “*Thuế năng lượng*”. Trong khuôn khổ của Luật giám phát thải khí nhà kính (dự thảo), Đài Loan đã soạn thảo Chương trình giám phát thải khí nhà kính quốc gia với 5 mục tiêu chủ yếu là: i) Xây dựng thể chế; ii) Giảm thủ tục hành chính trong kiểm kê và cấp chứng chỉ phát thải; iii) Bảo vệ môi trường sinh thái; iv) Đẩy mạnh giáo dục, v) Ứng phó với những tác động từ BĐKH.

2.3.2. Một số chính sách của Đài Loan nhằm hướng đến nền kinh tế xanh

Đài Loan đã thực hiện khá nhiều giải pháp chính sách đối với từng lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, cụ thể là:

Xanh hoá lĩnh vực năng lượng

Thiết lập Khung khổ chính sách năng lượng bền vững. Tháng 5/2008, Đài Loan đã thông qua Khung khổ chính sách năng lượng bền vững với 4 tiêu chí trong đó có hai tăng trong lĩnh vực sản xuất và hai giảm trong lĩnh vực tiêu dùng. Đó là i) Tăng hiệu quả sử dụng năng lượng; ii) Tăng giá trị gia tăng trong mỗi đơn vị năng lượng được sử dụng; iii) Giảm phát thải khí nhà kính; và iv) Giảm phụ thuộc vào nguồn năng lượng không tái tạo. Các mục tiêu cụ thể của khung chính sách này là:

Tăng hiệu quả sử dụng năng lượng hơn 2% trong 8 năm tiếp theo, giảm phát thải khí nhà kính ít nhất 20% vào năm 2015 và giảm hơn 50% vào năm 2025 so với năm 2005 bằng cách áp dụng công nghệ tiên tiến và các giải pháp thích hợp.

⁴ Tham khảo Trần Quang Minh: *Đối sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc Á về biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường nổi bật giai đoạn 2011 - 2020*, Đề tài cấp Bộ, Viện nghiên cứu Đông Bắc Á, 2012

Điều chỉnh cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng giá trị gia tăng và giảm tiêu hao năng lượng nhằm đạt mục tiêu giảm phát thải trên một đơn vị năng lượng ít nhất 30% vào năm 2025.

Tích cực phát triển vào nguồn năng lượng tái tạo với mục tiêu như: nguồn năng lượng này chiếm 15% tổng năng lượng tiêu thụ vào năm 2025, tăng cường sử dụng khí tự nhiên (16 triệu tấn vào năm 2025), và đẩy nhanh việc thay thế các nguồn điện cũ bằng năng lượng điện hạt nhân với mục tiêu đạt tỷ lệ năng lượng ít các bon trong toàn bộ nguồn năng lượng vào năm 2025 là 55% so với 40% hiện nay.

Ban hành Luật Ngân sách phát triển năng lượng tái tạo

Luật này đã được thông qua vào ngày 12/6/2009, cho phép Chính phủ Đài Loan tăng ngân sách chi tiêu cho việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt, năng lượng đại dương, năng lượng gió, thủy điện. Theo kế hoạch, Đài Loan sẽ nâng công suất sử dụng năng lượng tái tạo lên 6,5 triệu Kw, và tổng lũy kế đạt 10 triệu KW trong 20 năm tới.

- Từng bước xanh hoá khu vực công nghiệp

Chương trình phát triển công nghiệp năng lượng xanh, được bắt đầu vào ngày 23/4/2009 bao gồm các ngành như: Pin mặt trời, chiếu sáng LED, năng lượng gió, năng lượng sinh học, và tế bào nhiên liệu, thông tin và trao đổi năng lượng, và xe cơ giới chạy điện. Chính phủ Đài Loan sẽ đầu tư 25 tỷ Đài tệ nhằm hỗ trợ và thực hiện các biện pháp phát triển năng lượng thay thế và tiết kiệm năng lượng tiêu thụ; và 20 tỷ Đài tệ cho nghiên cứu và phát triển (R&D) trong 5 năm tiếp theo.

Khuyến khích các doanh nghiệp tự nguyện cắt giảm phát thải khí nhà kính. Hướng ứng các chính sách và giải pháp của Chính phủ, nhiều công ty của Đài Loan đã tự nguyện cắt giảm phát thải khí nhà kính trong các kế hoạch sản xuất của mình. Trong đó, Hiệp hội Công nghiệp

bán dẫn Đài Loan (TSIA) và Hiệp hội Công nghiệp sản xuất màn hình thể lỏng (TFT-LCD) đã tự nguyện giảm phát thải khí nhà kính, với mức giảm phát thải PFC tương đương 24 triệu tấn CO₂ vào năm 2010.

- Xanh hoá ngành xây dựng

Trong lĩnh vực xây dựng, Đài Loan đã thực hiện chương trình 100.000 mái nhà có năng lượng mặt trời. Trong đó, có 20.000 tấm năng lượng mặt trời được lắp đặt hoàn thành vào năm 2012 với tổng công suất 60 MW với sản lượng 72 triệu KWH điện từ năng lượng mặt trời mỗi năm, tương đương với mức giảm 46.000 tấn CO₂. Đài Loan dự kiến chi khoảng 9 tỷ Đài tệ để hỗ trợ cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực này với kỳ vọng sẽ thu được 18 tỷ Đài tệ giá trị sản lượng điện.

Nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng xanh, thiết kế nhãn hiệu nhà xanh. Để đảm bảo sự thoải mái và sức khoẻ cho người dân, khuyến khích việc nâng cấp các loại vật liệu xây dựng truyền thống, năm 2004 Bộ Xây dựng Đài Loan đã xây dựng “*Hệ thống vật liệu xây dựng xanh*”. Và đến tháng 8/2007, đã có 74 loại chứng chỉ về vật liệu xây dựng xanh được phát hành. Các loại chứng chỉ này được sử dụng cho 563 loại sản phẩm giúp người tiêu dùng dễ dàng xác định và tìm được những nhà sản xuất vật liệu xây dựng tốt ở địa phương mình. Đài Loan là vùng lãnh thổ đầu tiên trên thế giới thực hiện việc kiểm soát nhà nước về thiết kế nhà xanh. Khu vực nhà nước đi đầu trong lĩnh vực này để khuyến khích khu vực tư nhân làm theo. Theo đó, 1.464 chứng chỉ về tiêu chuẩn nhà xanh hoặc áp dụng cho nhà xanh đã được cấp vào tháng 8/2007.

- Xanh hoá ngành giao thông vận tải

Chương trình khuyến khích sử dụng xe cơ giới sử dụng năng lượng hỗn hợp (dầu/khí ga, dầu/điện) được bắt đầu từ tháng 1/2008, với mục tiêu 150.000 xe cơ giới hỗn hợp và 150 trạm cấp nhiên liệu trong 5 năm; khuyến khích các xe taxi sử dụng khí ga thay cho xăng dầu.

Chương trình cũng đặt mục tiêu khuyến khích sử dụng xe máy chạy ắc-quy và ô tô hỗn hợp (xăng/điện).

Thiết lập các hệ thống vận tải xanh: Hệ thống vận tải xanh được thực hiện bằng cách xây dựng các mạng lưới vận tải công cộng thuận tiện, những con đường dành riêng cho xe đạp và người đi bộ tại các khu đô thị. Tăng cường cơ sở hạ tầng hệ thống vận tải thông minh, và khuyến khích các hình thức di chuyển sinh thái như đi bộ, xe đạp và vận tải công cộng. Đài Loan hiện đang thiết kế *Dự án mạng lưới đường xe đạp miền Đông* bao gồm 13 tuyến du lịch khu vực và 360 km đường xe đạp liên thành phố.

3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về xây dựng chính sách tăng trưởng xanh

Những quan sát bước đầu kế hoạch, lộ trình hướng tới nền kinh tế xanh của các định chế toàn cầu, các tổ chức quốc tế và của một số quốc gia cũng hé mở nhiều hàm ý chiến lược trong việc triển khai Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cho Việt Nam trước bối cảnh phát triển mới:

Thứ nhất, ngày càng có nhiều bằng chứng chứng minh rằng quá trình “xanh hoá” các nền kinh tế không cản trở các cơ hội tạo ra của cải hay việc làm và nhiều khu vực kinh tế xanh là những cơ hội lớn để đầu tư sinh lợi nhuận và tạo ra việc làm. Vì vậy, cần thiết lập khung chính sách hỗ trợ mới để thúc đẩy sự chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, và đã đến lúc các nhà hoạch định chính sách trên thế giới cần hành động nhanh chóng.

Thứ hai, quá trình chuyển sang nền kinh tế xanh cũng chính là quá trình tái phân bổ lại các nguồn lực cho phát triển trên toàn cầu và ở mỗi quốc gia. Trong hai thập niên gần đây, phần lớn các nguồn lực được đầu tư cho sản xuất vật chất, tài chính... đầu tư cho “kinh tế nâu” mà thiếu quan tâm tới sự cạn kiệt của vốn tự nhiên và hệ sinh thái. Chính mô hình này đã gây ra những tác động ngoại biên hầu như không kiểm

soát được đối với xã hội và môi trường, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của thế hệ ngày nay cũng như để lại những thách thức, rủi ro cho thế hệ tương lai. Những cuộc khủng hoảng liên tiếp gần đây là minh chứng cho nhận định này. Vì thế các Chính phủ cần có các chính sách công phân bổ lại các nguồn lực, tập trung đầu tư nhiều hơn cho “kinh tế xanh” để hướng tới mô hình mới, đảm bảo: i) Chất lượng tăng trưởng kinh tế; ii) Hiệu quả sinh thái; iii) Bền vững môi trường;

Thứ ba, các nghiên cứu trên cũng đã chỉ ra rằng cơ hội để hướng tới “kinh tế xanh” đối với các quốc gia là như nhau, và không nhất thiết là quốc gia đó đang ở trình độ phát triển nào, phát triển hay kém phát triển. Tuy nhiên, bước quá độ sang nền kinh tế xanh ở mỗi quốc gia sẽ rất khác nhau, bởi nó phụ thuộc vào đặc thù về trình độ phát triển, vốn “tự nhiên” và “vốn con người”. Mỗi nước tùy theo từng điều kiện và mục tiêu của nước đó mà có những trọng tâm chính sách khác nhau trong việc thúc đẩy định hướng tăng trưởng xanh.

Thứ tư, kinh nghiệm cho thấy khi xây dựng chiến lược tăng trưởng xanh cần có lộ trình phù hợp với các bước đi cụ thể để đảm bảo thành công. Lộ trình này được xây dựng dựa vào các nghiên cứu chi tiết, sự bàn thảo công khai và được xây dựng trên cơ sở sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan. Lộ trình xây dựng không chỉ căn cứ vào mục tiêu đặt ra mà còn căn cứ vào năng lực thực hiện, khả năng thành công khi thực hiện. Sự quyết tâm và chủ động tham gia của lãnh đạo các bộ, ngành và lãnh đạo địa phương đóng vai trò quan trọng trong thành công của chiến lược.

*

*

*

Hướng tới nền kinh tế xanh/tăng trưởng xanh là ưu tiên lựa chọn cho Việt Nam. Hiện Việt

Nam có rất nhiều tiềm năng để hướng tới nền kinh tế xanh. Vì vậy, tài định vị vai trò quản trị phát triển của nhà nước nhằm xây dựng những

thể chế, chính sách nhằm xoá bỏ những rào cản để hướng tới tăng trưởng xanh là nhiệm vụ cấp thiết cần ưu tiên thực hiện♦

Tài liệu tham khảo:

1. Barbier, E. B. (2009): *Rethinking the Economic Recovery: A Global Green New Deal*, UNEP.
2. Green Korea (2011): *Green Growth -Challenge, Strategy and Coopertion*, 15 September.
3. HSBC global research (2009): *Climate for Recovery: The Color of Stimulus Goes Green*.
4. Nguyễn Quang Thuần - Nguyễn An Hà (2012): *Quan hệ Việt Nam Liên minh châu Âu trong triển khai cơ chế phát triển sạch giai đoạn 2011 -2020*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Quang Thuần - Nguyễn Xuân Trung (2012): *Kinh tế xanh trong đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới*, Bài hội thảo giữa Ủy ban kinh tế Quốc hội - VASS, tháng 3.
6. Presidential Committee on Green Growth (2009b): *Road to our Future: Green Growth*, Seoul.
7. Steenblik, R. and J. Kim (2009): *Facilitating Trade in Selected Climate Change Mitigation Technologies in the Energy Supply, Buildings, and Industry Sectors*, OECD Trade and Environmental Working Papers, 2009/2, OECD, Paris.
8. Sukhdev, P. và Nuttall, N. (2010): *A Brief For PolicyMakers on the Green Economy and Millennium Development Goals*, United Nations Environment Programme.
9. Tài liệu phục vụ diễn đàn ASEM về tăng trưởng xanh, Hà Nội, ngày 03/10/2011
10. Trần Quang Minh (2012): *Đối sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc Á về BĐKH và các vấn đề môi trường nổi bật giai đoạn 2011 - 2020*, Đề tài cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.
11. UNEP (2008): *Green Jobs: Towards Decent Work in a Sustainable, Low-Carbon World*, September, UNEP, New York.
12. UNEP (2009): *Rethinking the Economic recovery: A Global green new deal*. Edward B. Barbier, USA.
13. Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và Môi trường (tài liệu dịch của UNEP) (2011): *Hướng tới nền kinh tế xanh, lộ trình cho phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo*. Báo cáo tổng hợp phục vụ các nhà hoạch định chính sách, NXB. Nông nghiệp.